

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/DS-ST
Ngày 16 - 7 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2018, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1970 ; cư trú tại: Ấp VĐ, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Bà Đoàn Kim H1; cư trú tại: Ấp VĐ, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Ngô Quốc M; cư trú tại: Ấp VĐ, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa: Bà H có mặt, bà H1 và ông M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trương Thị H trình bày:

Vào ngày 04/12/2015, bà Đoàn Kim H1 (*tên gọi khác: G*) đến nhà bà hỏi mượn số tiền 30.000.000đ, góp trong thời gian 04 tháng, lãi suất sau khi góp của số tiền 30.000.000đ là 6.000.000đ, mỗi ngày góp 300.000đ.

Sau đó bà H1 và ông Ngô Quốc M góp được 21 ngày, với số tiền 6.300.000đ thì ngưng không góp nữa, việc bà H1 và ông M mượn tiền và góp tiền hai bên có làm giấy. Như vậy, số tiền còn lại bà H1 phải góp cho bà là 29.700.000đ. Nay bà yêu cầu bà H1 và chồng là ông Ngô Quốc M phải trả cho bà số tiền 29.700.000đ.

Tại phiên tòa: Bà H yêu cầu bà H1 và ông M trả tiền vốn, không yêu cầu tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Vụ kiện giữa nguyên đơn bà Trương Thị H, bị đơn bà Đoàn Kim H1 và ông Ngô Quốc M là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đoàn Kim H1 và ông Ngô Quốc M, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà H1, ông M vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H1 và ông M.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Vào ngày 04/12/2015, bà H1 có vay của bà H số tiền 30.000.000đ, khi vay hai bên thỏa thuận mỗi ngày bà H1 và ông M phải góp cho bà H số tiền 300.000đ, góp trong thời gian 04 tháng thì ngưng, việc mượn tiền và góp tiền giữa hai bên có làm giấy là thực tế có xảy ra.

Tuy nhiên, sau khi vay bà H1 và ông M có góp được 21 ngày, với số tiền vốn là 5.250.000đ, lãi 1.050.000đ thì ngưng không góp vốn, lãi nữa. Nay bà H yêu cầu trả tiền vốn 24.750.000đ, không yêu cầu tiền lãi, còn bà H1 và ông M không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của bà H. Như vậy, việc bà H1 và ông M không phản đối lời trình bày và yêu cầu của bà H là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó Hội đồng xét xử khẳng định, bà H1 và ông M đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[4] *Tại phiên tòa,* bà H rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền bà H1 và ông M vay. *Xét thấy:* Việc rút yêu cầu tính lãi của bà H là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết là phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ nên được chấp nhận, buộc bà H1 và ông M phải trả cho bà H số tiền vốn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà H1 và ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể: $24.750.000đ \times 5\% = 1.237.500đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H. Buộc bà Đoàn Kim H1 và ông Ngô Quốc M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị H số tiền là 24.750.000 đồng (*hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

2. Kể từ ngày bà Trương Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đoàn Kim H1 và ông Ngô Quốc M chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bà H1 và ông M còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H về việc yêu cầu bà Đoàn Kim H1 và ông Ngô Quốc M phải trả tiền lãi của khoản tiền vay 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*).

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Bà Trương Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Trương Thị H 742.500 đồng (*bảy trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009806 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Bà Đoàn Kim H1 và ông Ngô Quốc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.237.500đ đồng (*chưa nộp*).

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh